

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2022/DS-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Trần Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 498/2015/TLST-DS ngày 02/12/2015 về việc “Tranh chấp thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 843/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3292/2022/QĐ-ST ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Văn K**, sinh năm: 1948 (chết ngày 16/8/2021)

1.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953

1.2. Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm 1979

1.3. Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1981

1.4. Bà Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1984

1.5. Bà Phạm Thị Bích H2, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà N, ông Đ, bà H1, bà H2 gồm có: Bà Trần Thị Thủy T, sinh năm: 1996 hoặc Ông Đỗ Nguyên C, sinh năm: 1999 (Theo Giấy ủy quyền số 000772, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18 tháng 01 năm 2022 lập tại Văn phòng C2)

Địa chỉ liên hệ của bà T và ông C: Số 9 Phan Kế Bính, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trần Thị Thủy T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: 6 Khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hoặc bà Phạm Thị Ánh N1, sinh năm: 1995

Địa chỉ thường trú: Hoài Thanh Tây, H, Bình Định

Địa chỉ liên hệ của bà T và bà N1: Số I P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 002820, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22 tháng 8 năm 2020 lập tại Văn phòng Công chứng Phú Nhuận Thành phố H)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Bà Đinh Thị Quỳnh N2 - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H

Địa chỉ: Số I đường P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964

Địa chỉ: N.9 Rue de L2, 57100 Thionville. France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1990 (Theo Giấy ủy quyền số 009242, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 6 năm 2015 lập tại Văn phòng C)

Địa chỉ: Số B đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970

2. Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm 1979

2. Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1981

3. Bà Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1984

4. Bà Phạm Thị Bích H2, sinh năm 1987

5. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1967

6. Bà Phạm Thị Kim N3, sinh năm 1994

7. Bà Phạm Thị Kim N4, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Số H (số mới 8) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1949

9. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tiểu khu I, Thị trấn K, huyện T, Thành phố H.

Tại Phiên tòa có mặt bà Trần Thị Thủy T, Luật sư Đinh Thị Quỳnh N2. Ông Phạm Huy S có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án. Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K (chết năm 2021) gồm bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 do bà Trần Thị Thủy T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Vĩnh T2 và bà Nguyễn Thị T3 là vợ chồng. Quá trình chung sống ông bà đã cùng nhau tạo dựng nhà, đất tại địa chỉ: số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/9/1995 bà T3 chết không để lại di chúc. Phần di sản thừa kế của bà T3 trong căn nhà trên các đồng thừa kế chưa tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Khi ông T2 qua đời vào năm 1998 cũng không lập di chúc định đoạt phần tài sản của mình.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 bao gồm: Cha mẹ bà T3 (đều đã chết), chồng trước của bà T3 (Vô danh, chết không có giấy chứng tử), bà Nguyễn Thị H (con riêng của bà T3), ông T2 và các con chung của bà T3 với ông T2 là bà Phạm Thị Ngọc X, bà Phạm Ngọc H3, ông Phạm Huy S.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Tường bao g: Cha mẹ ông T2 (đã chết), vợ trước của ông T2 là bà Bùi Thị M1 (Chết không có giấy chứng tử), các con chung của ông T2 với bà M1 là ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn T1 và ông Phạm Văn C1 và 03 người con chung của ông T2 với bà T3 gồm bà Phạm Thị Ngọc X, bà Phạm Ngọc H3 và ông Phạm Huy S.

Hiện nay, những người con tên K, H, X, H3, S đều sống tại căn nhà địa chỉ: số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T1 và ông C1 sống tại Hà Nam; riêng bà X hiện đang sinh sống tại Pháp.

Ông Phạm Văn K đã thực hiện thủ tục để được đứng tên là đại diện thừa kế của ông T2 và bà T3 đối với căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5559/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp

ngày 21/11/2007. Trên thực tế, các con chung, con riêng của ông T2, bà T3 chưa tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Ngày 22/10/2015, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được chia phần tài sản chung đối với căn nhà tại số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể là mỗi người 1/5 giá trị tạm tính của căn nhà trên, tương đương số tiền 560.000.000 (Năm trăm sáu mươi triệu) đồng.

Ông K, bà H thống nhất với giá trị nhà đất theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T7 số 040.08/2020/CT-BDS ngày 10/8/2020 đối với nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ: Số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có giá là 5.627.000.000 (Năm tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu) đồng.

Năm 2021 ông Phạm Văn K chết, bà H và các con chung của ông K và bà H gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K tham gia tố tụng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/10/2015, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc X có bà Trần Thị Mai L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Vĩnh T2 và bà Nguyễn Thị T3 là chủ sở hữu nhà, đất số 86/130 Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T. Cả bà Nguyễn Thị T3 (chết năm 1995) và ông Phạm Vĩnh T2 (chết năm 1998) đều không để lại di chúc. Ông Phạm Văn K đã thực hiện thủ tục để đứng tên là đại diện cho các thừa kế của ông T2, bà T3 đối với căn nhà trên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5559/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 21/11/2007. Trên thực tế, các con chung, con riêng của ông T2, bà T3 chưa tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Hiện nay, những người con nêu trên đều sống tại căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, riêng bà X hiện đang sinh sống tại Pháp. Vì cuộc sống không thuận hòa nên ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm M (Phạm Thị Mai X1) mong muốn chia tài sản chung là nhà, đất số 86/130 Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của cha mẹ để lại cho tất cả các đồng thừa kế được hưởng theo pháp luật.

Bà Phạm Thị Ngọc X khởi kiện bổ sung yêu cầu các đồng thừa kế trả lại cho bà số tiền đã sử dụng để xây mới lại nhà đất tranh chấp là 20.000 Đô la Mỹ (tạm tính 461.200.000 đồng theo tỷ giá Ngân hàng V ngày 13/11/2020 là 23.060 đồng) trước khi chia tài sản nhà đất tranh chấp số 86/130 Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Các bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H3 và ông Phạm Huy S trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc H3 và ông Phạm Huy S có cha là ông Phạm Huy T4 (mất năm 1997) và mẹ là bà Nguyễn Thị T3 (mất năm 1995). Cha mẹ ông, bà có ba người con chung bao gồm: Bà Phạm Thị Ngọc X; ông Phạm Huy S; bà Phạm Thị Ngọc H3. Trước khi sống với mẹ ông bà là bà T3 thì ông T5 có chung sống với bà Bùi Thị M1 (đã chết) và có 03 người con riêng là ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn T1 và ông Phạm Văn C1. Mẹ bà cũng có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị H.

Cha mẹ ông bà mất không để lại di chúc và tài sản để lại là nhà, đất tại địa chỉ số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do căn nhà xuống cấp nên vợ chồng bà X đã đưa tiền cho anh chị em số tiền là 20.000 Đô la Mỹ để xây dựng lại nhà. Bà H3 và ông S yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế nêu trên theo quy định pháp luật sau khi trừ chi phí xây dựng nhà cho bà X và không có ý kiến gì thêm.

Vị trí nhà, đất tranh chấp: Mặt trước căn nhà có địa chỉ số H N, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bốn người con của ông bà sinh sống và quản lý; mặt sau của căn nhà có địa chỉ số H N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Huy S, vợ, hai người con của ông S là bà Phạm Thị Kim N3, bà Phạm Thị Kim N4 cùng bà Phạm Thị Ngọc H3 sinh sống, quản lý. Vì căn nhà có diện tích nhỏ nên ông S phải nhường một phần bếp cho gia đình ông K sử dụng. Ông bà đồng ý việc chia thừa kế theo pháp luật theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1 và bà Phạm Thị Bích H2 trình bày:

Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1 và bà Phạm Thị Bích H2 là con của ông K. Các ông, bà có hộ khẩu thường trú tại căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng như Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5559/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 21/11/2007 cho ông Phạm Văn K. Quá trình sống tại căn nhà này ông bà không sửa chữa, xây dựng gì thêm. Hiện nay, căn nhà trên có hai hộ đang cư trú và có hộ khẩu thường trú, bao gồm: Hộ ông Phạm Văn K gồm: Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Phạm Thị Ngọc H3 và hộ ông Phạm Huy S (gồm: Ông Phạm Huy S, bà Nguyễn Thị Kim D, chị Phạm Thị Kim N3 và chị Phạm Thị Kim N4).

Bà N, ông Đ, bà H1 và bà H2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập.

Tại các Đơn trình bày ngày 15/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 và ông Phạm Văn C1 thống nhất trình bày:

Các ông là con ruột của ông Phạm Vĩnh T2 (chết ngày 1998) và bà Bùi Thị M1 (chết ngày 2002). Ông nhận được thông tin về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết vụ án giữa nguyên đơn ông Phạm Văn

K, bà Phạm Thị Ngọc X, bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Phạm Huy S và bà Phạm Thị Ngọc H3. Tài sản tranh chấp là nhà, đất do cha ông là ông Phạm Vĩnh T2 và bà Nguyễn Thị T3 để lại. Theo quy định pháp luật hàng thừa kế, các ông cũng được hưởng một phần giá trị tài sản đang tranh chấp nêu trên và đồng ý nhường toàn bộ giá trị tài sản được chia cho Ông Phạm Văn K, cam kết không tranh chấp khiếu nại gì về sau.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 15/12/2020 gửi Ủy ban nhân dân Thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam xác nhận cha ông có mang ba tên là Phạm Huy T4, Phạm Vĩnh T2 và Phạm Văn T6.

Ngày 29/11/2021, tại các Đơn trình bày của ông Phạm Văn T1 và ông Phạm Văn C1 trình bày, do ông Phạm Văn K chết ngày 16/8/2021 nên đồng ý nhường toàn bộ giá trị tài sản của các ông được chia cho bà Nguyễn Thị H.

Do điều kiện ở xa và bận công việc các ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải không thành và mở phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa:

Các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Bà Trần Thị Thủy T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày:

1. Xác định lại yêu cầu khởi kiện tranh chấp trong vụ án là yêu cầu chia di sản thừa kế. Theo qui định luật Dân sự 2015 thì yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện. Về nguồn gốc nhà, đất giữ nguyên lời khai trong hồ sơ.

2. Về diện và hàng thừa kế:

- Ông T6 và bà T3 chết không để lại di chúc nên yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Về hàng thừa kế: Do ông K là con riêng của ông T6 có công chăm sóc nuôi dưỡng đối với bà T3 nên đề nghị được hưởng di sản thừa kế của ông T6 và bà T3 bằng một suất như các đồng thừa kế khác là con chung của ông T6 và bà T3 gồm: Bà X, ông S và bà H3 theo Điều 654 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, ông K cũng được hưởng di sản đối với phần thừa kế của ông T6 trong căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tương tự, bà H là con riêng của bà T3 nhưng có công chăm sóc nuôi dưỡng với ông T6 nên cũng được hưởng thừa kế của bà T3 và ông T6 trong khối tài sản chung của ông bà và được hưởng di sản đối với phần thừa kế của bà T3 trong căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề nghị ghi nhận việc ông T1 và ông C1 là con riêng của ông T6 được hưởng phần thừa kế từ ông T6 đã có văn bản đồng ý nhường phần thừa kế của các ông được hưởng cho bà H.

- Do ông K bà H là vợ chồng và được hưởng phần di sản thừa kế theo kỹ phần nhiều hơn các đồng thừa kế khác và cũng quản lý phần lớn nhà đất nên nguyên đơn yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và hoàn lại giá trị theo kỹ phần cho các đồng thừa kế theo giá trị nhà đất tại thời điểm Thi hành án.

- Không đồng ý hỗ trợ tiền di dời, tìm nơi ở cho các đồng thừa kế khác.

3. Về thực hiện nghĩa vụ trước khi chia di sản thừa kế:

- Xác nhận số tiền 20.000 Đô la Mỹ bà Phạm M (Phạm Thị Mai X1) dùng để xây dựng căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), bà Nguyễn Thị H tự nguyện thanh toán lại cho bà X1 tương đương tỷ giá hiện nay do Ngân hàng Thương mại cổ phần N6 qui đổi là 23.060 đồng/ 1 Đô la Mỹ.

- Xác nhận các đương sự khác ngoài bà X1 không bỏ tiền sửa chữa xây dựng cũng như không đóng góp gì về công sức trong khối di sản của ông T6 và bà T3.

- Không yêu cầu chi phí chăm sóc, mai táng và chi phí quản lý di sản thừa kế vì trên thực tế tất cả các con đều đóng góp công sức như nhau trong việc này.

4. Về thời hạn Thi hành án: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao cơ quan thi hành án thẩm định giá trị nhà đất di sản thừa kế. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định giá nhà, đất thì bà H và các đồng thừa kế của ông K có nghĩa vụ giao số tiền theo kỹ phần thừa kế cho bà X1 và các bị đơn theo giá trị nhà, đất thẩm định của cơ quan Thi hành án. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H tự nguyện thanh toán lại cho bà X1 toàn bộ số tiền xây nhà bằng tiền Việt Nam tương đương 20.000 Đô la Mỹ. Quá thời hạn trên mà bà H và những người thừa kế của ông K không thực hiện nghĩa vụ thì đồng ý giao cơ quan thi hành án phát mãi di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế theo kỹ phần được hưởng.

5. Các bên thống nhất giá trị thẩm định nhà, đất di sản thừa kế theo kết quả Chứng thư thẩm định giá số 040.08/2020/CT-BĐS ngày 10/8/2020 của Công ty Cổ phần T7. Giá trị thẩm định chỉ sử dụng làm căn cứ cho việc tính án phí.

6. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí nguyên đơn đồng ý nộp theo qui định của pháp luật trên giá trị di sản thừa kế tương ứng kỹ phần được hưởng theo kết quả thẩm định của Tòa.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và những người thừa kế của ông Phạm Văn K tự nguyện chịu 9.000.000 đồng chi phí Thẩm định giá và đã thực hiện xong.

Bị đơn ông Phạm Huy S trình bày: Ông đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế của ông K yêu cầu giữ phần di sản thừa kế và hoàn lại cho ông và bà H3 giá trị theo kỹ phần ông không

có ý kiến và cũng không yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời hay công chăm sóc nuôi dưỡng đối với ông T6 và bà T3. Quá trình sống trong nhà ông và bà H3 không xây dựng sửa chữa nhà và xác nhận việc bà X1 có đưa 20.000 Đô la Mỹ cho ông và bà H3 để xây nhà. Phía bà H tự nguyện thanh toán toàn bộ số tiền này cho bà X1 thì ông đồng ý. Hiện trạng nhà, đất từ khi xây dựng đến nay không có thay đổi. Ông S không có nguyện vọng giữ lại di sản thừa kế vì không có tiền thanh toán lại cho các đồng thừa kế. Ông S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia hiện vật cho các đồng thừa kế, cụ thể bà H và các con ông K ở phần nhà lớn, ông và bà H3 ở phần nhà nhỏ vì cả 02 phần nhà có lối đi riêng. Trường hợp Tòa không chấp nhận thì ông S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. Ông đồng ý kết quả thẩm định giá trị nhà đất để làm cơ sở tính án phí cũng như việc bà H và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông K tự nguyện đóng chi phí thẩm định giá.

Luật sư Đinh Thị Quỳnh N2 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K và bà H: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế. Căn cứ theo qui định của Bộ luật Dân sự 2015 yêu cầu của nguyên đơn trong thời hiệu khởi kiện. Về nội dung yêu cầu, phía đại diện theo yêu cầu của nguyên đơn đã trình bày đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là nhà, đất tại số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế gồm: Những người thừa kế của ông Phạm Văn K (chết năm 2021) gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và các con là bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2; ông Phạm Văn T1; ông Phạm Văn C1; bà Phạm Thị Ngọc X; ông Phạm Huy S; bà Phạm Thị Ngọc H3; bà Nguyễn Thị H. Ghi nhận việc ông T1 và ông C1 nhường phần di sản thừa kế được hưởng cho bà H.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) về việc hoàn trả số tiền xây dựng nhà 20.000 Đô la Mỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H tự nguyện thanh toán khoản tiền này cho bà X.

Ghi nhận việc các đương sự không yêu cầu chi phí đóng góp, chăm sóc, quản lý di sản thừa kế.

Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định giá bà H và những người thừa kế của ông K tự nguyện chịu nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn xác định lại yêu cầu chia di sản thừa kế. Bà Nguyễn Thị Thanh c năm 1995, ông Phạm Huy T4 chết năm 1998 không có di chúc. Ông Phạm Văn K đứng tên kê đại diện cho các đồng thừa kế đối với căn nhà, đất là di sản thừa kế của ông T4 và bà T3. Trên thực tế, các con chung và con riêng của ông T4 và bà T3 chưa thống nhất việc chia di sản này. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp qui định của pháp luật và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 về việc thi hành Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 8 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn “Tranh chấp thừa kế”, khởi kiện của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chia thừa kế phần tài sản đối với nhà, đất do cha mẹ các ông bà là ông Phạm Huy T4 và bà Nguyễn Thị T3 tạo lập tại địa chỉ: Số H (số mới 8) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong vụ án có nguyên đơn bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964 hiện cư trú tại Pháp. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về pháp luật áp dụng:

Vụ án tranh chấp chia tài sản chung giữa nguyên đơn Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) và bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc H3 và ông Phạm Huy S được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

thụ lý số 498/2015/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2015. Căn cứ Điều 1 của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 về việc thi hành Bộ Luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Bộ luật dân sự 2015 để xét xử vụ án.

[1.3] Về xác định người tham gia tố tụng và sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Văn K sinh năm 1948, chết năm 2021. Tòa án xác định bà Nguyễn Thị H là vợ và các ông con của ông K bà H gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K.

Theo Văn bản trình bày ý kiến ngày 07/9/2021 của ông Le P (chồng bà Pham M (Phạm Thị Ngọc X)) trình bày có nội dung cam kết số tiền 20.000 Đô la Mỹ là tài sản riêng của bà X và xác định không có liên quan trong vụ án này. Hội đồng xét xử không đưa ông Le P vào tham gia tố tụng.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim D, bà Phạm Thị Kim N3, bà Phạm Thị Kim N4 đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 có Đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 14/6/2018; Ông Phạm Văn C1 và ông Phạm Văn T1 có Đơn ngày 15 tháng 12 năm 2020 đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H và bà Pham M (Phạm Thị Ngọc X) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh chấp di sản thừa kế là nhà, đất do ông Phạm Huy T4 và bà Nguyễn Thị T3 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân tại địa chỉ: Số H (số mới 8) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, bà Pham M (Phạm Thị Ngọc X) yêu cầu các thừa kế hoàn trả lại số tiền 20.000 Đô la Mỹ tương đương 461.200.000 đồng theo tỷ giá Ngân hàng V ngày 20/4/2022 là 23.060 đồng/ 1 Đô la Mỹ tiền xây dựng nhà, xét thấy:

[2.1.1] Về xác định di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất trình bày về nguồn gốc di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là nhà, đất tại địa chỉ: số H (số M) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xác nhận của các đương sự có cơ sở xác định nhà, đất số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 36, Tờ bản đồ số 38, diện tích 59,93m²; Nhà ở diện tích sàn 170,25m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCTM, mái BTCT+ tole, cấp 2, số tầng: 03 tầng + sân thượng, thời hạn sở hữu lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc 5559/UB.GCN ngày 21/11/2007 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Phạm Văn K, sinh năm 1948 là đại diện cho các đồng thừa kế của cha là ông Phạm Vĩnh T2 và mẹ là Nguyễn Thị T3 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Vĩnh T2 (chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị T3 (chết năm 1995). Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Về xác định diện và hàng thừa kế:

- Diện thừa kế: Căn cứ xác nhận ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định ông T2 có sử dụng ba tên là Phạm Huy T4, Phạm Vĩnh T2 và Phạm Văn T6. Ông T6 và bà Nguyễn Thị Thanh c không để lại di chúc nên xác định nhà đất tại địa chỉ: số H (số mới 8) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế được chia theo quy định của pháp luật tại Điều 621 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Hàng thừa kế: Ông Phạm Huy T4 (sinh năm 1906, chết ngày 23/7/1998) (Theo tỉnh H cấp ngày 26/3/2003) và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1929, chết 09/9/1995) (Giấy chứng tử số 60/1995 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận T cấp ngày 23/11/1995); ông bà có 03 người con chung gồm: Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967. Ngoài những người kể trên thì ông Phạm Huy T4 có 03 con riêng gồm: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1948; Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1949; Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954. Bà Nguyễn Thị T3 có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Cha mẹ của ông Phạm Huy T4 và bà Nguyễn Thị T3 đều đã chết. Do đó, căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định hàng thừa kế của ông T4 và bà T3 như sau:

Những người thừa kế của ông T4 và bà T3 là 03 người con chung của ông bà gồm: Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967.

Những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Thanh g1: Ông Phạm Huy T4; Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967; Nguyễn Thị H, sinh năm 1953.

Những người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Huy T4 gồm: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1948; Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1949; Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954; Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967.

Xét, quan điểm của nguyên đơn về việc ông K là con riêng của ông T4 có công chăm sóc nuôi dưỡng đối với bà T3 và bà H là con riêng của bà T3 có công chăm sóc nuôi dưỡng đối với ông T4 nên đề nghị được hưởng di sản thừa kế của ông T4 và bà T3 trong căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bằng một suất như các đồng thừa kế khác là con chung của ông T4 và bà T3 gồm bà X, ông S và bà H3 theo Điều 654 Bộ luật Dân sự 2015 là không có cơ sở xem xét bởi lẽ ngoài lời khai thì phía ông K và bà H không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nội dung này và các đồng thừa kế khác không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.1.3] Về các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế:

Căn cứ Điều 658 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán theo thứ tự: “1. Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng...3. Chi phí cho việc bảo quản di sản...8. Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân....10. Các chi phí khác.”

Nguyên đơn bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả lại số tiền 20.000 Đô la Mỹ bà đã dùng làm chi phí để xây mới lại nhà đất tranh chấp trước khi chia tài sản nhà đất tranh chấp.

Xét, các đương sự đều thừa nhận việc bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) có chi ra số tiền 20.000 Đô la Mỹ để xây dựng lại nhà, phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H tự nguyện hoàn trả toàn bộ chi phí này cho bà X qui đổi theo tỷ giá Ngân hàng V ngày 20/4/2021 là 23.060 đồng/ 1 Đô la Mỹ = 461.200.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự khác đồng ý nên ghi nhận.

Xét, tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất và tự nguyện không yêu cầu chi phí mai táng, công sức trông coi, quản lý tài sản và các chi phí khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.1.4] Về giá trị di sản thừa kế: Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T7 ngày 10/8/2020, giá trị quyền sử dụng đất là 4.971.066.382 đồng, giá trị nhà là 655.462.500 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 5.626.528.882 đồng. Các đương sự đều thống nhất giá trị đã thẩm định giá 5.626.528.882 đồng là cơ sở để tính án phí nên ghi nhận.

[2.2] Các thừa kế của ông Phạm Huy T4 và bà Nguyễn Thị T3 được xác định theo kỹ phân như sau:

- Di sản của bà Nguyễn Thị T3 để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có giá trị tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng nhà, đất.

Phần di sản này của bà T3 được chia cho 5 đồng thừa kế gồm: Ông Phạm Huy T4, bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), bà Phạm Thị Ngọc H3, ông Phạm

Huy S, bà Nguyễn Thị H. Mỗi thừa kế được hưởng kỷ phần bằng 1/10 giá trị di sản.

- Di sản thừa kế của ông Phạm Huy T4 là $\frac{1}{2}$ căn nhà số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có giá trị tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng nhà, đất và cộng 01 kỷ phần được hưởng thừa kế từ bà T3.

Phần di sản này của ông T4 được chia cho 6 đồng thừa kế gồm: Ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn C1, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị Ngọc X, bà Phạm Thị Ngọc H3, ông Phạm Huy S. Mỗi thừa kế được hưởng kỷ phần bằng 1/10 giá trị di sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn C1 và ông Phạm Văn T1 đồng ý nhường toàn bộ giá trị tài sản được chia của các ông cho bà Nguyễn Thị H theo các Đơn trình bày ngày 29/11/2021 của ông T1 và C1.

[2.3] Về yêu cầu được nhận di sản tiếp tục sử dụng và sở hữu di sản của bà Nguyễn Thị H cùng những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K và bị đơn ông Phạm Huy S:

Hiện nay, nhà đất số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đang có hai hộ đang cư trú và có hộ khẩu thường trú, bao gồm: Hộ ông Phạm Văn K (gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Phạm Thị Ngọc H3) và H4 ông Phạm Huy S (gồm: Ông Phạm Huy S, bà Nguyễn Thị Kim D, chị Phạm Thị Kim N3 và chị Phạm Thị Kim N4).

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc 5559/UB.GCN ngày 21/11/2007 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Phạm Văn K, sinh năm 1948 là đại diện thừa kế của cha là ông Phạm Vĩnh T2 và mẹ là Nguyễn Thị T3, nhà đất tại số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 59,93m²; Nhà ở diện tích sàn 170,25m², kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCTM, mái BTCT + tole, cấp 2, số tầng: 03 tầng + sân thượng.

Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn yêu cầu được giữ nhà và hoàn tiền cho các đồng thừa kế, phía bị đơn không có ý kiến gì. Xét, theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định diện tích tối thiểu của thửa đất ở hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa (sau khi trừ lộ giới) tại quận T là 36m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 03 mét. Với hiện trạng nêu trên không thể thay đổi kết cấu và không đủ diện tích tách thửa theo điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao nhà, đất là di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị H và những người thừa kế của ông Phạm Văn K sở hữu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà H cũng những người thừa kế của ông K chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế

cho các thừa kế khác được hưởng tương ứng với tỷ phần họ được nhận theo giá thị trường tại thời điểm thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan thi hành án thẩm định giá nhà, đất là di sản thừa kế. Bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế của ông K gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới giao lại cho các ông bà X, S, H3 số tiền tương ứng với giá trị tỷ phần mà các ông bà được hưởng. Quá thời hạn 30 ngày nếu bà H và các đồng thừa kế của ông K không thực hiện nghĩa vụ với các đồng thừa kế gồm các ông bà Phạm Marie (Phạm Thị Ngọc X), bà Phạm Thị Ngọc H3, ông Phạm Huy S, thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành bán đấu giá căn nhà số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất và nhà ở. Sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ phần tại mục [2.2] của Bản án này.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Thi hành án có thẩm quyền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Các thừa kế phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được chia, cụ thể:

Căn cứ kết quả Chứng thư thẩm định giá số 040.08/2020/CT-BDS ngày 10/8/2020 của Công ty Cổ phần T7 giá trị di sản thừa kế nhà, đất số 84/20 (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 5.626.528.882 đồng, các thừa kế của ông T2 và bà T3 được hưởng giá trị thừa kế như sau:

- Ông Phạm Văn K (chết năm 2021) có các đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 được hưởng tỷ phần bằng 1/10 giá trị di sản là: 562.652.888,2 đồng;

- Ông Phạm Huy S được hưởng tỷ phần bằng 2/10 giá trị di sản là: 562.652.888,2 đồng (thừa kế bà T3) + 562.652.888,2 đồng (thừa kế ông T2) = 1.125.305.776,4 đồng;

- Bà Phạm Thị Ngọc H3 được hưởng kỷ phần bằng 2/10 giá trị di sản là: 562.652.888,2 đồng (thừa kế bà T3) + 562.652.888,2 đồng (thừa kế ông T2) = 1.125.305.776,4 đồng;

- Bà Nguyễn Thị H được hưởng kỷ phần bằng 1/10 giá trị di sản (thừa kế bà T3) + 2/10 giá trị di sản (phần ông C1 và ông T1 được nhận từ thừa kế ông T2 nhường lại cho bà H), tổng cộng bà H được hưởng kỷ phần bằng 3/10 giá trị di sản = 1.687.958.664,6 đồng.

- Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) được nhận kỷ phần bằng 1/10 giá trị di sản là: 562.652.888,2 đồng (thừa kế bà T3) + 1/10 giá trị kỷ phần (thừa kế ông T2), kỷ phần tổng cộng là 2/10 giá trị di sản = 1.125.305.776,4 đồng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn K gồm: Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị H phải chịu 26.506.116 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.400.000 đồng trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H nộp. Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 còn phải nộp thêm số tiền 16.106.116 đồng án phí sơ thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị H trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí.

Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) phải chịu số tiền 45.759.173 đồng tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.400.000 đồng trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H nộp. Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) còn phải nộp thêm số tiền 35.359.173 đồng án phí sơ thẩm.

Căn cứ theo quy định tại Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H được hoàn trả số tiền 10.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai văn thư số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H nộp.

Ông Phạm Huy S phải chịu số tiền 45.771.173 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ngọc H3 phải chịu số tiền 45.771.173 đồng tiền án phí sơ thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K có bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 9.000.000 (chín triệu) đồng chi phí thẩm định giá và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 1 Điều 38 và các Điều 147, Khoản 2 Điều 165, 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Khoản 1 Điều 623 và các Điều 649, 651, 658, 659, 660, điểm b Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 về việc thi hành Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/10/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 12, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K (chết năm 2021) gồm bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2; bà Nguyễn Thị H và P (Phạm Thị Ngọc X):

1.1. Xác định nhà, đất số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông ông Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6) (sinh năm 1906, chết ngày 23/7/1998) (Theo tỉnh H cấp ngày 26/3/2003) và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1929, chết 09/9/1995).

1.2. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6) (sinh năm 1906, chết ngày 23/7/1998) và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1929, chết 09/9/1995), gồm:

- Những người thừa kế của ông Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6) và bà Nguyễn Thị Thanh g1: Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967.

- Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Thanh g1: Ông Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6); Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967; Nguyễn Thị H, sinh năm 1953.

- Những người thừa kế của ông Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6) gồm: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1948, chết năm 2021(có vợ là

bà Nguyễn Thị H và các con là Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1 và bà Phạm Thị Bích H2); Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1949; Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954; Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), sinh năm 1964; Bà Phạm Thị Ngọc H3, sinh năm 1970; Ông Phạm Huy S, sinh năm 1967.

1.3. Xác định kỹ phần thừa kế đất và nhà ở số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của Phạm Huy T4 (tên khác: Phạm Vĩnh T2, Phạm Văn T6) và bà Nguyễn Thị Thanh n sau:

- Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 được hưởng 3/10 giá trị di sản thừa kế.

- Bà Nguyễn Thị H được hưởng 3/10 giá trị di sản thừa kế.

- Bà Phạm Thị Ngọc H3 được hưởng 2/10 giá trị di sản thừa kế.

- Ông Phạm Huy S được hưởng 2/10 giá trị di sản thừa kế.

- Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) được hưởng 2/10 giá trị di sản thừa kế.

1.4. Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành thẩm định giá nhà, đất số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan Thi hành án có kết quả Thẩm định giá thì những người thừa kế của ông Phạm Văn K (bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị H) và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế gồm bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), bà Phạm Ngọc H3 và ông Phạm Huy S số tiền tương ứng giá trị kỹ phần mà họ được hưởng theo mục 1.3 của phần quyết định của bản án này căn cứ trên kết quả Thẩm định giá của cơ quan Thi hành án.

1.5. Ngay sau khi thi hành xong việc giao số tiền tương đương kỹ phần cho các đồng thừa kế là bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), bà Phạm Ngọc H3 và ông Phạm Huy S thì bà Phạm Thị Ngọc H3, ông Phạm Huy S và những người thực tế cư trú tại nhà, đất số nhà, đất số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải tiến hành bàn giao nhà, đất trên cho những người thừa kế của ông Phạm Văn K gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Nguyễn Thị H

1.6. Những người thừa kế của ông Phạm Văn K gồm bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Nguyễn Thị H căn cứ bản án này liên hệ cơ quan có thẩm quyền hoàn tất thủ tục sở hữu nhà, đất số H (số mới 86/130) Nguyễn Thị N5, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Nguyễn Thị H theo qui định của Pháp luật.

1.7. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan Thi hành án Thẩm định giá nhà, đất là di sản thừa kế mà các đồng thừa kế của ông Phạm Văn K gồm bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán

tiền theo tỷ phần cho các đồng thừa kế thì các bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X), bà Phạm Ngọc H3 và ông Phạm Huy S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi căn nhà số H (số mới 86/130) đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất và nhà ở. Sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), số tiền còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ phần đã tuyên nêu tại mục 1.3 của phần quyết định của bản án này.

1.8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H thanh toán cho bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) số tiền 461.200.000 đồng chi phí xây dựng nhà. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.9. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn C1 và ông Phạm Văn T1 đồng ý nhường toàn bộ giá trị tài sản được chia của các ông cho bà Nguyễn Thị H.

1.10. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, chăm sóc, công sức đóng góp, di dời và các chi phí khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn K gồm: Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị H phải chịu 26.506.116 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.400.000 đồng trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H nộp. Bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2 còn phải nộp thêm số tiền 16.106.116 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) phải chịu số tiền 45.759.173 đồng tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.400.000 đồng trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H nộp. Bà Phạm M (Phạm Thị Ngọc X) còn phải nộp thêm số tiền 35.359.173 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà H được hoàn trả số tiền 10.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí trong tổng số tiền 31.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai văn thư số AG/2010/09680 ngày 30/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Huy S phải nộp số tiền 45.771.173 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ngọc H3 phải nộp số tiền 45.771.173 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn K có bà Phạm Thị Bích N, ông Phạm Minh Đ, bà Phạm Thị Bích H1, bà Phạm Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 9.000.000 (chín triệu) đồng chi phí thẩm định giá và đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/30).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương